

Bản án số 543/2023/HC-PT

Ngày: 18-7-2023

V/v: Khiếu kiện quyết định hành  
chính

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Văn Mười

Bà Nguyễn Thị Cúc

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Thân Văn Nhường, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:**  
Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 269/2023/TLPT-HC ngày 19 tháng 4 năm 2023 về “*Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 2097/2022/HC-ST ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:1624/2023/QĐ - PT ngày 05 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

**\* Người khởi kiện:** Ông Lê Đức T, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số H đường số A, đường P, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

*Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện:* Ông Nguyễn Đức Á, sinh năm 1972; địa chỉ: 1 đường N, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền công chứng số 004996 ngày 17/8/2020 tại Văn phòng C - có mặt).

**\* Người bị kiện:**

- Ủy ban nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: D, đường D, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của người bị kiện:* Ông Phạm Quang T1 - Phó Chủ tịch (là người đại diện theo ủy quyền - Giấy ủy quyền số 2040/UBND- TP ngày 01/9/2020; Giấy ủy quyền số 638/UBND-TP ngày 31/3/2021 và Giấy ủy quyền số 1526/UBND-TP ngày 29/6/2023 - có đơn xin xét xử vắng mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:* Ông Trương Ngọc L, sinh năm 1978 - Phó giám đốc Ban Q2; (Giấy yêu cầu số 2041/UBND-TP ngày 01/9/2020 và số 639/UBND-TP ngày 31/3/2021 - có mặt).

***\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Nguyễn Thị L1; địa chỉ: Số H, Đường số A, phường P, phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

*Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị L1:* Ông Nguyễn Đức Á, sinh năm 1972; địa chỉ: Số A đường N, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền công chứng số 002598 ngày 04/6/2022 tại Văn phòng C – có mặt).

2. Ông Nguyễn Anh T2 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

3. Bà Lê Ngọc Q (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số A đường P, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

***\* Người kháng cáo:*** Người khởi kiện ông Lê Đức T.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trong đơn khởi kiện cũng như lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện ông Lê Đức T có người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Đức Á trình bày:*

Ngày 14/5/2002, Ban Q3 - Rạch S, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành kiểm kê tài sản và Hiệp thương thiệt hại đất đai hoa màu và tài sản khác trên đất đối với tài sản của ông T là nhà và đất tại địa chỉ A, đường C, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại buổi hiệp thương, Ban quản lý dự án đã thông báo cho ông T các vấn đề liên quan đến chủ trương và chính sách bồi thường, tái định cư, trong đó việc bồi thường người dân có hai lựa chọn: Thứ nhất, với các hộ có diện tích bị thu hồi trên 80% sẽ được tái định cư một nền đất và tự nguyện nhận tiền đền bù một lần và mức bồi thường thấp hơn; Thứ hai, các hộ không đủ điều kiện tái định cư và nhận tiền đền bù làm nhiều đợt thì giá đền bù sẽ cao hơn.

Vì vậy, ông T đã lựa chọn phương án thứ nhất vì diện tích giải tỏa của ông trên 80% diện tích. Tổng số tiền ông T nhận là 490.439.800 đồng (Bốn trăm chín mươi triệu, bốn trăm ba mươi chín nghìn tám trăm đồng). Sau khi nhận đủ tiền bồi thường, Ban Q3 - Rạch S Quận H đã mời ông T đến và yêu cầu tái định cư bằng một căn hộ chung cư tại khu chung cư Đ, tuy nhiên ông T không đồng ý mà yêu cầu được nhận nền đất tái định cư, nhưng Ban quản lý dự án trả lời nếu nhận nền đất thì phải đợi, nên ông T tiếp tục đợi suốt hơn 17 năm qua.

Ngày 10/6/2019, ông T có đơn kiến nghị gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H. Đến ngày 27/6/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H có Công văn số 2103/UBND-QLDA cho rằng theo Khoản 5, phần IV của Phương án đền bù thiệt hại giải phóng mặt bằng tái định cư ở dự án đầu tư xây dựng đường N- Rạch Sông X (không nói rõ phương án số bao nhiêu, ban hành năm nào) trường hợp ông T không đủ điều kiện tái định cư. Ông T cho rằng là không đúng bởi tại thời điểm hiệp thương Ban quản lý dự án đã xác định trường hợp của ông T đủ điều kiện tái định cư, nội dung này được ghi rõ trong Biên bản hiệp thương ngày 14/5/2002, và ông T phải nhận tiền bồi thường thấp hơn các trường hợp khác không được tái định cư.

Ngày 08/12/2019, ông T tiếp tục khiếu nại đến Ủy ban nhân dân Quận H. Ngày 28/02/2020, ông T nhận được Thông báo số 32/TB-UBND của Ủy ban nhân dân Quận H về việc khiếu nại không đủ điều kiện thụ lý giải quyết do quá thời hiệu khiếu nại luật định.

Ông T cho rằng việc Ủy ban nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh không bố trí tái định cư cho ông trong khi diện tích nhà và đất của ông bị thu hồi trên 80%, diện tích đất còn lại là đất trống chỉ có 27m<sup>2</sup> không có hình khối phù hợp và không đủ điều kiện để xây dựng nhà ở theo quy định pháp luật, nên cán bộ hiệp thương đã vận động ông T chuyển nhượng lại cho hộ phía sau và có cam kết sẽ ra công chứng sau khi dự án hoàn thành và ông T nhận lại giấy tờ bản chính, nên đến nay Ủy ban nhân dân Quận H vẫn giữ.

Ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử: (1) Hủy Công văn số 2103/UBND-QLDA ngày 26/6/2019 và Thông báo số 32/TB-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H; (2) Buộc Ủy ban nhân dân Quận H xem xét bố trí tái định cư cho ông T theo đúng quy định pháp luật đối với dự án đầu tư xây dựng đường N- Rạch S, Quận H như Biên bản hiệp thương ngày 14/5/2002.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện người khởi kiện xác định ông T bị giải tỏa toàn bộ căn nhà theo Giấy phép số 618/GP-CS ngày 24/5/1993 nên đủ điều kiện được hưởng một suất tái định cư, phần 27m<sup>2</sup> còn lại bán cho ông T2 nằm ngoài giấy phép này do ông T lấn chiếm, hoàn toàn không kê khai, không nộp thuế mà chỉ sử dụng thực tế và không có bất kì giấy tờ nào về phần đất này.

*Tại Văn bản số 654/UBND-TP ngày 02/4/2021, người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận H có ý kiến về yêu cầu của người khởi kiện như sau:*

Ông Lê Đức T có đơn kiến nghị ghi ngày 10/6/2019 gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H, kiến nghị bố trí nền tái định cư vì đã thu hồi đất của ông khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường N- Rạch S.

Qua xem xét, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H có Công văn số 1647/UBND-XKT ngày 13/6/2019, chỉ đạo Ban Q2 khu vực Quận H phối hợp Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận H kiểm tra, báo cáo.

Ngày 12/7/2019, Ban Q2 khu vực Quận H có Báo cáo số 764/BC-QLDA về quá trình thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với ông Lê Đức T thuộc dự án đầu tư xây dựng đường N - Rạch S Quận H.

Qua kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ và báo cáo của Ban Q2 khu vực Quận H, nhận thấy: Việc đền bù, hỗ trợ thiệt hại đối với trường hợp của ông Lê Đức T đã được Ủy ban nhân dân Quận H giải quyết tại Thông báo số 4418/TB-UB ngày 13/6/2002 về việc chi trả tiền đền bù hoa màu vật kiến trúc trong khuôn viên xây dựng đường N - Rạch S Quận H, ông Lê Đức T đã nhận đủ tiền đền bù, hỗ trợ từ năm 2002. Đồng thời, Ủy ban nhân dân Quận H, Hội đồng đền bù thiệt hại giải phóng mặt bằng của dự án không có văn bản nào quyết định bố trí tái định cư cho ông Lê Đức T.

Căn cứ Phương án số 8110/PA-ĐB ngày 27/11/2001 của Hội đồng đền bù thiệt hại giải phóng mặt bằng của dự án đầu tư xây dựng đường N- Rạch S Quận H thì ông Lê Đức T không đủ điều kiện được tái định cư, vì nhà đất số A đường C, Quận H chỉ bị thu hồi một phần, không thuộc trường hợp có nhà ở, đất ở bị thu hồi và phải di chuyển toàn bộ.

Trên cơ sở đó, ngày 26/7/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H đã ban hành Công văn số 2103/UBND-QLDA về việc trả lời đơn cho ông Lê Đức T, nội dung văn bản nêu lại quá trình thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ của quận đối với trường hợp của ông, cũng như điều kiện, hình thức tái định cư theo Phương án đền bù, hỗ trợ thiệt hại giải phóng mặt bằng và tái định cư của dự án đầu tư xây dựng đường N - Rạch S, Quận H để ông biết trường hợp của ông không đủ điều kiện được tái định cư.

Sau đó, ông Lê Đức T tiếp tục có đơn khiếu nại ghi ngày 08/12/2019 khiếu nại Công văn số 2103/UBND-QLDA ngày 26/7/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H.

Qua xem xét nội dung khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H có Công văn số 3457/UBND-XKT ngày 16/12/2019 về việc tham mưu giải quyết đơn, chỉ đạo Ban Q2 Quận H phối hợp Thanh tra Quận H kiểm tra hồ sơ, báo cáo đề xuất và tham mưu giải quyết đơn theo quy định.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo, Ban Q2 đã phối hợp Thanh tra Quận H, Ban Tiếp công dân Quận 8 tiếp xúc, làm việc với ông Lê Đức T để ghi nhận ý kiến của ông Lê Đức T về nội dung khiếu nại và đề nghị cung cấp các giấy tờ liên quan đến nội dung khiếu nại, đồng thời Ban Q2 khu vực Quận H đã làm việc với cán bộ Tổ công tác thực hiện công tác bồi thường của Ban Q2 thời điểm năm 2002 để làm rõ nội dung khiếu nại của ông Lê Đức T.

Ngày 16/01/2020, Ban Q2 khu vực Quận H có Báo cáo số 44/BC-QLDA về việc kiểm tra hồ sơ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của ông Lê Đức T thuộc dự án đầu tư xây dựng đường N - Rạch S, theo đó Ban Q2 nhận thấy:

*“Ông T đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ vào ngày 02 tháng 7 năm 2002 và ngày 19 tháng 7 năm 2002, đến ngày 10 tháng 6 năm 2019 ông T có đơn kiến*

*ngợi bố trí 01 nền đất tái định cư (quá thời hạn 90 ngày), ngày 26 tháng 7 năm 2019 Ủy ban nhân dân Quận H đã có Công văn số 2103/UBND-QLDA trả lời cho ông T rõ là trường hợp của ông không đủ điều kiện tái định cư. Ngày 08 tháng 12 năm 2019, ông Lê Đức T có đơn khiếu nại gửi Ủy ban nhân dân Quận H (quá thời hạn 90 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Công văn số 2103/UBND-QLDA ngày 26 tháng 7 năm 2019, trả lời cho ông T).”*

Trên cơ sở tiếp xúc làm việc, thu thập hồ sơ, báo cáo của Ban Q2 khu vực Quận H, căn cứ Luật Khiếu nại năm 2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H đã ban hành Thông báo số 32/TB-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2020 về việc khiếu nại không đủ điều kiện thụ lý giải quyết, theo đó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H không thụ lý đơn khiếu nại của ông Lê Đức T do đã hết thời hiệu khiếu nại.

Không đồng ý với kết quả giải quyết đơn, ông Lê Đức T khởi kiện yêu cầu hủy Công văn số 2103/UBND-QLDA ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H và buộc Ủy ban nhân dân Quận H xem xét bố trí tái định cư theo Phương án đầu tư xây dựng đường N - Rạch S Quận H và theo Biên bản hiệp thương ngày 14 tháng 5 năm 2002, Ủy ban nhân dân Quận H cho rằng Công văn số 2103/UBND-QLDA không phải là đối tượng bị khởi kiện, đồng thời nội dung yêu cầu bố trí tái định cư đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định của Luật tố tụng hành chính bởi:

- Công văn số 2103/UBND-QLDA của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H chỉ là văn bản thông tin lại cho ông Lê Đức T được biết về kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ việc thực hiện chính sách đền bù, hỗ trợ và tái định cư đã thực hiện vào năm 2002 đối với trường hợp của ông Lê Đức T, không phải là văn bản mới quyết định về chính sách đền bù, hỗ trợ và tái định cư, do đó không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền và nghĩa vụ của ông Lê Đức T.

- Việc thực hiện chính sách đền bù, hỗ trợ và tái định cư cho ông Lê Đức T đã được Ủy ban nhân dân Quận H quyết định tại Thông báo số 4418/TB-UB ngày 13 tháng 6 năm 2002, theo đó ông Lê Đức T đã nhận đủ tiền đền bù, hỗ trợ và không có khiếu nại hay khởi kiện gì. Như vậy đến nay đã hết thời hiệu khiếu nại, khởi kiện.

Do đó, căn cứ điểm g, điểm h khoản 1 Điều 143; điểm a Khoản 2 Điều 116 và điểm a Khoản 1 Điều 123 Luật tố tụng hành chính năm 2015, Ủy ban nhân dân Quận H đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đình chỉ giải quyết vụ án.

*Tại Văn bản số 2467/UBND-TP ngày 11 tháng 11 năm 2021, Ủy ban nhân dân Quận H bổ sung ý kiến như sau:*

Về 02 tài liệu mà người khởi kiện đã cung cấp cho Tòa án gồm: Biên bản kiểm kê và hiệp thương thiệt hại đất đai hoa màu và tài sản khác dự án xây dựng đường N- Rạch S Quận H ghi ngày 14 tháng 5 năm 2002 (không có chữ ký của Chủ tài sản là ông Lê Đức T) và Thông báo số 4418/TB-UB ngày 13 tháng 6 năm 2002 về việc chi trả tiền đền bù hoa màu, vật kiến trúc trong khuôn viên xây dựng

đường N - Rạch S Quận H (không có chữ ký của Chủ hộ là ông Lê Đức T và không có đóng dấu của Ủy ban nhân dân Quận H):

Theo Tiết 2.4, khoản 2, phần I, Phương án đền bù của dự án quy định “Trường hợp diện tích đất ở sau khi bị thu hồi còn lại dưới  $40\text{m}^2$ / căn nhà, thì xử lý theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố tại Công văn số 1405/UB-ĐT ngày 28/4/2000 về việc xử lý các căn hộ sau khi giải tỏa có diện tích khuôn viên còn lại nhỏ hơn quy chuẩn xây dựng tại thành phố (dưới  $40\text{m}^2$ )”.

Căn cứ Công văn số 1405/UB-ĐT ngày 28 tháng 4 năm 2000 của Ủy ban nhân dân thành phố, trong đó chỉ đạo xử lý “*Trường hợp chủ hộ muốn tiếp tục sử dụng phần đất khuôn viên còn lại: Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Ban Chỉ đạo giải tỏa đền bù xem xét áp dụng chính sách giải tỏa một phần để tính mức bồi hoàn phần giải tỏa theo qui định*” và “*Trường hợp chủ hộ giao Nhà nước phần đất còn lại: Áp dụng chính sách giải tỏa trắng để tính kinh phí bồi hoàn và giải tỏa, tái định cư*”.

Như vậy, các căn hộ sau khi giải tỏa có diện tích khuôn viên còn lại nhỏ hơn  $40\text{m}^2$ , chủ hộ có thể lựa chọn phương án giải tỏa một phần hoặc giải tỏa trắng, do đó cơ quan tham mưu đền bù, giải tỏa thuộc Ủy ban nhân dân Quận H có thể dự thảo các phương án khác nhau để hộ dân xem xét, lựa chọn.

Qua rà soát hồ sơ đền bù cho ông Lê Đức T đang lưu trữ tại Ủy ban nhân dân Quận H thì có 02 tài liệu là Biên bản kiểm kê và hiệp thương đất đai, hoa màu và tài sản khác dự án xây dựng đường N - Rạch S ngày 14 tháng 5 năm 2002 có chữ ký của chủ tài sản là ông Lê Đức T và Thông báo số 4418/TB-UB ngày 13 tháng 6 năm 2002 về việc chi trả đền bù hoa màu, vật kiến trúc trong khuôn viên xây dựng đường N - Rạch S có chữ ký của chủ hộ là ông Lê Đức T và có đóng dấu của Ủy ban nhân dân Quận H.

Đối chiếu nội dung 02 tài liệu mà người khởi kiện cung cấp và 02 tài liệu đang lưu trữ tại Ủy ban nhân dân Quận H nhận thấy:

- Nội dung 02 tài liệu mà người khởi kiện cung cấp (không có chữ ký của ông Lê Đức T) thể hiện áp dụng cho trường hợp thu hồi, giải tỏa **toàn bộ** khu đất của ông Lê Đức T với tổng diện tích đất là  $198,75\text{m}^2$ , tổng tiền đền bù, hỗ trợ là 660.927.800 đồng, trong đó đền bù về đất là 484.862.500 đồng, cụ thể theo Phương án:

+  $160\text{m}^2$  (đất ở trong hạn mức) x 2.500.000 đồng = 400.000.000 đồng.

+  $38,75\text{m}^2$  (đất ở ngoài hạn mức) x (2.500.000 đồng – 310.000 đồng) = 84.862.500 đồng.

- Nội dung 02 tài liệu lưu trữ tại Ủy ban nhân dân Quận H thể hiện áp dụng cho các trường hợp thu hồi, giải tỏa một phần khu đất của ông Lê Đức T với diện tích đất là  $171,3\text{m}^2$ , tổng số tiền đền bù, hỗ trợ là 497.439.800 đồng, trong đó đền bù về đất là 424.747.000 đồng, cụ thể theo Phương án:

+  $160\text{m}^2$  (đất ở trong hạn mức) x 2.500.000 đồng = 400.000.000 đồng.

+ 11,3m<sup>2</sup> (đất ở ngoài hạn mức) x (2.500.000 đồng – 310.000 đồng) = 24.747.000 đồng.

- Căn cứ Phiếu chi số 359/2002 ngày 02 tháng 7 năm 2002 và Phiếu chi số 394/2002 ngày 19 tháng 7 năm 2002, ông Lê Đức T đã ký nhận tiền theo Phương án thu hồi, giải tỏa một phần khu đất với diện tích đất là 171,3m<sup>2</sup>.

Như vậy, ông Lê Đức T đã chọn phương án thu hồi, giải tỏa một phần khu đất với diện tích đất là 171,3m<sup>2</sup>, diện tích còn lại ngoài ranh dự án là 27,45m<sup>2</sup> ông Lê Đức T tiếp tục sử dụng.

Do đó, Biên bản kiểm kê và hiệp thương thiệt hại đất đai, hoa màu và tài sản khác và Thông báo chi trả tiền đền bù hoa màu, vật kiến trúc đang lưu trữ tại Ủy ban nhân dân Quận H là hồ sơ pháp lý đền bù, giải tỏa chính thức đối với trường hợp của ông Lê Đức T.

Tại Khoản 5, Phần IV của Phương án đền bù, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư khi thu hồi đất trong dự án đường N - Rạch S, quy định về điều kiện và hình thức tái định cư: *“Việc tái định cư được áp dụng cho các trường hợp có nhà ở, đất ở bị thu hồi và phải di chuyển toàn bộ, có giấy tờ hợp lệ hoặc không có giấy tờ hợp lệ về quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở nhưng không thuộc đối tượng được đền bù thiệt hại về đất theo quy định tại điểm 2.3.2 (trừ tiết 2.3.2.2), mục 2.3, khoản 2, Phần I của phương án này, có yêu cầu tái bố trí với nguyên tắc một căn hộ/ một căn nhà khác ở khu tái định cư của dự án. Các trường hợp khác Hội đồng đền bù và giải phóng mặt bằng của dự án sẽ xem xét giải quyết cụ thể từng trường hợp về yêu cầu tái định cư, tạm cư”*. Về quy định *“Các trường hợp khác”* được nêu tại khoản 5, Phần IV của Phương án đền bù: Phương án đền bù của dự án không quy định cụ thể các trường hợp khác là trường hợp nào.

Tại Công văn số 1546/UBND-TP ngày 01 tháng 8 năm 2022, Ủy ban nhân dân Quận H bổ sung ý kiến như sau:

Đối với số tiền 96.972.500 đồng được thể hiện trong Biên bản kiểm kê và hiệp thương thiệt hại đất đai, hoa màu và tài sản khác ghi ngày 14 tháng 5 năm 2002 (biên bản do người khởi kiện cung cấp cho Tòa án) như sau:

- Căn cứ vào quy định tại phần IV, khoản 7 Phần III của Phương án đền bù, hỗ trợ thiệt hại giải phóng mặt bằng và tái định cư ở dự án đầu tư xây dựng đường N - Rạch S Quận H thì trong trường hợp đủ điều kiện tái định cư thì theo nhu cầu hộ dân có thể lựa chọn phương án nhận bố trí tái định cư hoặc chọn phương án nhận hỗ trợ thêm 20% giá trị đền bù đất ở để tự tìm nơi ở mới trong trường hợp không có nhu cầu bố trí tái định cư.

- Theo Biên bản kiểm kê và hiệp thương thiệt hại đất đai, hoa màu và tài sản khác ghi ngày 14 tháng 5 năm 2002 (biên bản do bên khởi kiện cung cấp cho Tòa án) thì trong bảng tổng hợp đền bù có thể hiện: Số tiền đền bù đất là 484.862.500 đồng; số tiền trong trường hợp không yêu cầu tái định cư (tự tìm nơi ở mới) là 96.972.500 đồng (bằng 20% số tiền đền bù đất).

Như vậy, số tiền 96.972.500 đồng trong Biên bản kiểm kê và hiệp thương đất đai, hoa màu và tài sản khác ghi ngày 14 tháng 5 năm 2002 (biên bản do bên khởi kiện cung cấp cho Tòa án) tương ứng với số tiền hỗ trợ nếu trường hợp ông Lê Đức T đủ điều kiện tái định cư nhưng không chọn phương án nhận bố trí tái định cư mà chọn phương án nhận hỗ trợ thêm 20% giá trị đền bù đất ở để tự tìm nơi ở mới.

*Tại Công văn số 1899/UBND - TP ngày 08 tháng 9 năm 2022, Ủy ban nhân dân Quận H bổ sung ý kiến như sau:*

*Về trình tự thực hiện công tác bố trí tái định cư của dự án đầu tư xây dựng đường N - Rạch S:* Được thực hiện theo quy định tại Phần IV (về việc tái định cư, đối với các hộ bị thu hồi, di chuyển toàn bộ nhà ở, đất ở) của Phương án đền bù, hỗ trợ thiệt hại giải phóng mặt bằng và tái định cư ở dự án đầu tư xây dựng đường N - Rạch S (gọi tắt là Phương án đền bù).

*Về cơ sở và cách tính giá trị bồi thường về đất đối với phần diện tích đất 171,3m<sup>2</sup> đất ở được thể hiện trong hồ sơ bồi thường của ông Lê Đức T:*

Về quá trình sử dụng đối với nhà đất số A đường C Phường D Quận H: Căn nhà số A đường C Phường D Quận H do ông Trần P mua của bà Phan Thị P1 năm 1978, sau đó ông P bán lại cho ông Lê Đức T, tại thời điểm điều tra khảo sát hiện trạng sử dụng đất Tổ công tác ghi nhận giấy tờ pháp lý căn nhà có Giấy phép công nhận quyền sở hữu nhà, có tờ kê khai năm 1977. Ngày 20 tháng 4 năm 2002, Tổ công tác có lập biên bản khảo sát hiện trạng sử dụng đất đai, hoa màu, cây trái và vật kiến trúc khác có ghi nhận các nội dung trên, có xác nhận của Ủy ban nhân dân Phường D, Quận H.

Về cách tính giá trị bồi thường về đất đối với phần diện tích 171,3m<sup>2</sup> đất ở: Đối chiếu các quy định tại điểm a, b1, c tiết 2.3.2.1, điểm b, c tiết 2.3.3 khoản 2 Phần I của Phương án đền bù và hồ sơ nhà đất của ông Lê Đức T, tổ công tác đã tính đền bù đối với phần diện tích 171,3m<sup>2</sup> đất ở, cụ thể như sau:

+ 160m<sup>2</sup> (đất ở trong hạn mức) x 2.500.000 đồng = 400.000.000 đồng.

+ 11,3m<sup>2</sup> (đất ở ngoài hạn mức) x (2.500.000 đồng - 310.000 đồng) = 24.747.000 đồng.

Tổng cộng: 400.000.000 đồng + 24.747.000 đồng = 424.747.000 đồng.

*Về việc ông Lê Đức T đề nghị nộp lại tiền đối với phần diện tích còn lại ngoài ranh giải tỏa để được bố trí tái định cư:*

Tại phần IV (về việc tái định cư, đối với các hộ bị thu hồi, di chuyển toàn bộ nhà ở, đất ở) của Phương án đền bù, hỗ trợ thiệt hại giải phóng mặt bằng và tái định cư ở dự án đầu tư xây dựng đường N - Rạch S quy định: Các hộ có nhà ở, đất ở bị thu hồi toàn bộ nếu có nhu cầu tái định cư thì được ưu tiên bố trí vào khu tái định cư tại Phường A, Phường D, Phường E, Quận H.

Do trường hợp hộ ông Lê Đức T chỉ bị thu hồi một phần nhà đất, phần nhà đất còn lại (ngoài ranh giải tỏa của dự án) hộ ông Lê Đức T tiếp tục sử dụng và



đã sang nhượng cho ông Nguyễn Anh T2 quyền sử dụng đất vào ngày 21 tháng 8 năm 2003 với giá trị chuyển nhượng là 180.000.000 đồng (hiện nay ông Nguyễn Anh T2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với phần nhà đất còn lại này). Do đó, nay ông T đề nghị nộp lại cho Nhà nước số tiền đã chuyển quyền sử dụng đất đối với phần diện tích còn lại sau giải tỏa để được hưởng chính sách tái định cư theo Phương án đền bù là không có cơ sở giải quyết.

*Tại Công văn số 2613/UBND-QLDA ngày 28 tháng 11 năm 2022, Ủy ban nhân dân Quận H bổ sung ý kiến như sau:*

Bản vẽ hiện trạng căn nhà số A đường C, Phường D, Quận H do Phòng quản lý đô thị Quận 8 ngày 21 tháng 4 năm 1993 thể hiện nhà có diện tích là 149,20m<sup>2</sup> phù hợp với đặc điểm nhà theo Giấy phép công nhận quyền sở hữu nhà số 618/GP-CS ngày 24 tháng 5 năm 1993 do Ủy ban nhân dân Quận H cấp (thời điểm năm 1993 khi cấp giấy phép công nhận quyền sở hữu nhà sẽ không thể hiện phần sân và đất trống xung quanh nhà).

Bản vẽ hiện trạng bồi thường năm 2002 do Ban Q2 có thể hiện: Phần kiến trúc giải tỏa: Diện tích nhà là 72,5m<sup>2</sup>, diện tích sân có mái là 43,36m<sup>2</sup>. So với bản vẽ hiện trạng căn nhà do Phòng Quản lý đô thị Quận H lập ngày 21 tháng 4 năm 1993 thì bản vẽ bồi thường này chưa thể hiện hết toàn bộ hiện trạng căn nhà, chỉ thể hiện chủ yếu đối với phần nhà đất bị ảnh hưởng trong ranh dự án. Bản vẽ này chưa thể hiện phần nhà, đất có chiều sâu khoảng 04 mét phía sau (phần nhà này tiếp giáp với nhà 3/16B thể hiện trong bản vẽ hiện trạng do Phòng Quản lý đô thị Quận H lập ngày 21 tháng 4 năm 1993).

Ủy ban nhân dân Quận H nhận thấy, phần căn nhà bị giải tỏa theo bản vẽ hiện trạng bồi thường là 115,86m<sup>2</sup> (diện tích nhà 72,5m<sup>2</sup> + diện tích sân có mái 43,36m<sup>2</sup>) chỉ là một phần căn nhà có diện tích là 149,20m<sup>2</sup> theo Bản vẽ hiện trạng do Phòng quản lý đô thị Quận H lập ngày 21 tháng 4 năm 1993. Còn phần nhà, đất có chiều sâu khoảng 04 mét phía sau được thể hiện trong Giấy phép công nhận quyền sở hữu nhà số 618/GP-CS ngày 24 tháng 5 năm 1993 do Ủy ban nhân dân Quận H cấp.

Ngày 22 tháng 11 năm 2022, Ban Q2 đã tiếp xúc với ông Trần P (là chủ sở hữu căn nhà số A đường C, Phường D, Quận H vào thời điểm năm 1993 khi bán cho ông Lê Đức T). Tại buổi tiếp xúc, ông Trần P có ý kiến: *Vào năm 1993 tôi đã bán căn nhà số A đường C, Phường D, Quận H cho ông Lê Đức T. Hiện trạng nhà khi tôi bán cho ông Lê Đức T đúng theo bản vẽ hiện trạng do Phòng Q4 lập ngày 21 tháng 4 năm 1993. Thời điểm đó bức tường phía sau cuối căn nhà số A đường C, Phường D, Quận H sát với tường nhà số C đường C, Phường D, Quận H và giữa 2 căn nhà không có khoảng đất trống.*

Trong hồ sơ lưu trữ cấp Giấy phép công nhận quyền sở hữu nhà số 618/GP-CS ngày 24 tháng 5 năm 1993 cho ông Lê Đức T có Văn tự mua bán nhà giữa ông Trần P và ông Lê Đức T được Ủy ban nhân dân Phường D, Quận H xác nhận ngày 04 tháng 12 năm 1992, thể hiện đặc điểm căn nhà ngang 14m, dài 12m.

Từ các cơ sở trên, Ủy ban nhân dân Quận H nhận thấy, phần căn nhà bị giải tỏa theo bản vẽ hiện trạng bồi thường là 115,86m<sup>2</sup> (Diện tích nhà 72,5m<sup>2</sup> + diện tích sân có mái 43,36m<sup>2</sup>) chỉ là một phần căn nhà (diện tích cả căn nhà là 149,20m<sup>2</sup> theo Bản vẽ hiện trạng do Phòng Quản lý đô thị Quận H lập ngày 21 tháng 4 năm 1993). Đồng thời, theo ý kiến của ông Trần P thì bức tường phía sau cuối căn nhà số A đường C, Phường D, Quận H sát với tường nhà số C đường C, Phường D, Quận H và giữa 2 căn nhà không có khoảng đất trống. Do đó việc ông Lê Đức T cho rằng “trong 171,5m<sup>2</sup> bị thu hồi gồm toàn bộ phần nhà ở 149,20m<sup>2</sup> được Nhà nước công nhận quyền sở hữu hợp pháp và 22,3m<sup>2</sup> đất còn lại là phần đất do ông T tự lấn chiếm sử dụng, nên ông T đủ điều kiện được tái định cư do bị thu hồi toàn bộ nhà ở” là không có cơ sở.

Trường hợp ông Lê Đức T không đủ điều kiện tái định cư theo quy định, vì căn nhà số A đường C, Phường D, Quận H chỉ giải tỏa một phần.

*Tại Công văn số 2261/UBND-TP ngày 22/9/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H có ý kiến như sau:* Tương tự ý kiến của Ủy ban nhân dân Quận H tại Công văn số 654/UBND-TP ngày 02 tháng 4 năm 2021.

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện có ý kiến như sau:* Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông T.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L1 có ý kiến:* Bà L1 thống nhất với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đức T.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Anh T2 có ý kiến như sau:* Năm 1999, vợ chồng ông Nguyễn Anh T2 và bà Lê Ngọc Q có thuê nhà ông Lê Đức T tại số A, C (P), Phường D, Quận H để kinh doanh buôn bán. Đến năm 2002, ông T2 có gặp ông T và được ông T thông báo là đã nhận tiền đền bù giải tỏa phần nhà trên và còn dư lại 27,6m<sup>2</sup> chưa nhận tiền đền bù vì không nằm trong ranh giới giải tỏa đường. Do vậy, ông T2 đề nghị mua lại phần đất dư này vì nhà của mẹ ông T2 ở gần cạnh bên. Sau khi thảo luận, ông T đã đồng ý bán cho ông giấy tay với số vàng là 27 lượng vàng SJC tương đương 180.000.000 đồng với các điều kiện như sau: Ông T2 không được nhận nền nhà tái định cư mà phần này ông T nhận, trường hợp nhà nước có điều chỉnh ranh giới đường hết luôn phần 27,6m<sup>2</sup> trên thì ông T2 sẽ nhận tiền đền bù không yêu cầu nhận tái định cư nhà. Ngược lại ranh giới đường điều chỉnh và phần đất dư ra hơn 27,6m<sup>2</sup> thì ông T đồng ý tạo điều kiện cho ông T2 được quyền làm việc với cơ quan chức năng nhà nước làm thủ tục hợp thức hóa toàn bộ phần đất dư ra sau khi giải tỏa đường chính thức được thực hiện. Ông T2 và ông T đã thực hiện giao dịch trên, ông T đã nhận đủ vàng và ông T2 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu nhà ở số BI 626780 ngày 08/5/2012.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Ngọc Q có ý kiến như sau:* Bà Q thống nhất với toàn bộ ý kiến trình bày của ông Nguyễn Anh T2.

**Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 2097/2022/HC-ST ngày 07 tháng 12 năm 2022, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:**

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đức T về việc hủy Thông báo số 32/TB-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đức T về việc hủy Công văn số 2103/UBND-QLDA ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Quận H và buộc Ủy ban nhân dân Quận H xem xét, bố trí tái định cư cho ông T theo đúng quy định pháp luật đối với dự án đầu tư xây dựng đường N - Rạch S, Quận H như Biên bản hiệp thương ngày 14 tháng 5 năm 2002.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/12/2022, người khởi kiện ông Lê Đức T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện giữ nguyên nội dung khởi kiện; về nội dung kháng cáo ông Nguyễn Đức Á trình bày, tại đơn kháng cáo ông Lê Đức T kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm nêu trên, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, ông Á trình bày rõ thêm là ông T chỉ kháng cáo yêu cầu hủy Công văn số 2103/UBND-QLDA ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Quận H; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Công văn 1405, để buộc Ủy ban nhân dân Quận H phải bố trí tái định cư cho ông T một nền đất tái định cư, theo đúng quy định của pháp luật đối với dự án đầu tư xây dựng đường N - Rạch S như Biên bản hiệp thương ngày 14/5/2002, vì ông T bị thu hồi toàn bộ diện tích đất. Đồng thời, ông Á trình bày, ông T không kháng cáo đối với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm về phần đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đức T về việc hủy Thông báo số 32/TB-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày: giữ nguyên quan điểm của người bị kiện về việc đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, bởi lẽ, ông Lê Đức T chỉ bị giải tỏa một phần nhà đất, nên không thuộc diện được bố trí tái định cư; đồng thời Ủy ban nhân dân Quận H không còn quỹ đất để cấp một nền tái định cư cho ông T.

- Các đương sự không thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý, cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Kháng cáo của người khởi kiện là đúng quy định của pháp luật, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đức T về việc hủy Thông báo số 32/TB-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H, đồng thời bác yêu cầu khởi kiện của ông T về việc hủy Công văn số 2103/UBND-QLDA ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Quận H là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm nêu trên.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Đơn kháng cáo của ông Lê Đức T, là hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2]. Việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm:

Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử lần thứ hai, triệu tập hợp lệ các đương sự trong vụ án. Người khởi kiện ông Lê Đức T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị L1 vắng mặt, nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa; người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt, nhưng có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tham gia phiên tòa; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Anh T2 và bà Lê Ngọc Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt của các đương sự này, tại phiên tòa phúc thẩm, không ảnh hưởng đến việc xét kháng cáo của người khởi kiện. Do đó, căn cứ các Điều 157, 158 Luật tố tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng này.

[1.3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của ông Lê Đức T xác định ông Lê Đức T không kháng cáo phần bản án sơ thẩm đối với việc giải quyết Thông báo số 32/TB-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H, do đó căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử không xem xét đối với nội dung này.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Lê Đức T về việc yêu cầu hủy Công văn số 2103/UBND-QLDA ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Quận H và buộc Ủy ban nhân dân Quận H xem xét, bố trí tái định cư cho ông T theo đúng quy định pháp luật.

[2.1]. Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định bị kiện: Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Công văn số 2103/UBND-QLDA ngày 26/6/2019 là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục bồi thường thiệt hại theo quy định tại Khoản 6 Điều 34 Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 về việc đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng.

[2.2]. Tính có căn cứ của bị kiện:

Nhà đất tọa lạc tại A, đường C, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc của ông Trần P và bà Nguyễn Thị Ngọc L2 theo giấy phép hợp thức hóa có trước bạ ngày 17/10/1985, chuyển nhượng cho ông Lê Đức T theo Văn tự mua bán ngày 02/12/1992 với diện tích ngang 14m dài 12m, được Ủy ban nhân dân Quận H cấp Giấy phép công nhận quyền sử hữu nhà số 618/GP-CS ngày 24/5/1993 với diện tích xây dựng 149,2m<sup>2</sup> trong đó diện tích sử dụng chính 72,2m<sup>2</sup> và diện tích sử dụng phụ 70m<sup>2</sup> được thể hiện trên Bản vẽ hiện trạng do Phòng quản lý đô thị Quận H lập ngày 21/4/1993.

Thực hiện dự án xây dựng đường N - Rạch S tại Phường C và Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 571/1999/QĐ-KHĐT-XD ngày 30/12/1999 của Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố H và Quyết định số 260/QĐ-UB ngày 21/01/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố H; Căn cứ vào Quyết định số 8791/QĐ-UB ngày 24/12/2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc phê duyệt phương án đền bù, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư số 8110/PA-ĐB ngày 27/11/2001 đã được Hội đồng thẩm định đền bù giải phóng mặt bằng thành phố thẩm định ngày 13/12/2001, Ban Q2 đã tiến hành kiểm kê và hiệp thương với ông Lê Đức T là chủ sử dụng sở hữu nhà đất tại địa chỉ A, đường C, Phường D, Quận H có một phần nhà, đất bị giải tỏa theo Bản vẽ hiện trạng do Ban Q2 lập không ngày tháng năm, cụ thể các phần diện tích bị ảnh hưởng dự án gồm phần sân không mái 55,64m<sup>2</sup>, sân có mái 43,36m<sup>2</sup> và nhà 72,5m<sup>2</sup>, tổng diện tích giải tỏa đất 171,5m<sup>2</sup> trên tổng diện tích đất 198,75m<sup>2</sup>.

Ngày 14/5/2002, khi tổ chức hiệp thương, giữa Ban quản lý dự án khu vực đầu tư xây dựng Quận H và ông T đã lập hai biên bản, có ký tên, đóng dấu cùng ngày, thỏa thuận hai phương án khác nhau:

Phương án 1: Nếu tính đền bù toàn bộ 198,75m<sup>2</sup> (cả phần còn lại 27,45m<sup>2</sup> nằm ngoài ranh giải tỏa) có bao gồm khoản tiền 96.972.500 đồng không yêu cầu tái định cư (tự tìm nơi ở mới), thì tổng số tiền đền bù là 660.827.800 đồng.

Phương án 2: Nếu tính đền bù chỉ phần trong ranh giới giải tỏa 171,3m<sup>2</sup> thì tổng số tiền đền bù là 497.439.800 đồng, có ghi đủ tiêu chuẩn tái định cư.

Ngày 13/6/2002, Ban Q2 có hai Thông báo chi trả tiền đền bù hoa màu, vật kiến trúc cùng một số 4418/TB-UB (Thông báo số 4418) với hai cách tính khác nhau:

Thông báo thứ nhất (không có ký tên của chủ hộ là ông Lê Đức T, không có đóng dấu của Ủy ban nhân dân Quận H): Dựa trên phương án 1 nêu trên, trừ đi khoản tiền 96.972.500 đồng không yêu cầu tái định cư (tự tìm nơi ở mới) thì tổng số tiền đền bù là (660.827.800 - 96.972.500) = 563.955.300 đồng (Bút lục 118).

Thông báo thứ hai (có ký tên của chủ hộ là ông Lê Đức T, có đóng dấu của Ủy ban nhân dân Quận H): Dựa trên phương án 2 nêu trên thì tổng số tiền đền bù là 490.439.800 đồng, có chữ viết của ông Nguyễn Minh N là cán bộ thực hiện

công tác bồi thường ghi: “*Hộ ông T giải tỏa 171,3m<sup>2</sup>, chủ hộ yêu cầu TĐC 01 nền tương ứng tại P4 hoặc P5. Kính đề xuất Hội đồng phê duyệt.*” (Bút lục 120,168). Cùng với đó là Thông báo số 4418/TB-UB ngày 13/6/2002 (Bút lục 169) về chi trả phần chính sách hỗ trợ 07 nhân khẩu tạm trú đủ điều kiện là 7.000.000 đồng.

Theo các Phiếu chi số 359/2002 ngày 02/7/2002 và số Phiếu chi số 394/2002 ngày 19/7/2002 do hai bên cung cấp thì ông T đã nhận tổng số tiền đền bù 497.439.800 đồng.

Như vậy, ông T đã đồng ý nhận tiền theo phương án 2, tức là phương án giải tỏa một phần. Tại Biên bản kiểm kê và hiệp thương thiệt hại đất đai, hoa màu và tài sản khác ngày 14/5/2002 có dòng chữ “*Đủ tiêu chuẩn TĐC*” và tại Thông báo thứ hai ghi: “*Hộ ông T giải tỏa 171,3m<sup>2</sup>, chủ hộ yêu cầu TĐC 01 nền tương ứng tại P4 hoặc P5. Kính đề xuất Hội đồng phê duyệt.*”. Quá trình tham gia tố tụng, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện cho rằng đây là ý kiến nhận xét và đề xuất của cán bộ lập thông báo chứ không phải là ý kiến chính thống của người có thẩm quyền phê duyệt tái định cư. Đồng thời, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày hiện Ủy ban nhân dân Quận H không có quỹ đất để xem xét bố trí tái định cư cho ông T.

Bên cạnh đó, căn cứ vào Giấy phép công nhận quyền sở hữu nhà số 618/GP-CS ngày 24/5/1993 của Ủy ban nhân dân Quận H; căn cứ vào Bản vẽ hiện trạng làm cơ sở để tính bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư do Ban Q2 lập; căn cứ vào Biên bản kiểm kê và hiệp thương ngày 14/5/2002 do Ban Q2 (Bút lục A) có ông T ký xác nhận, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông T chỉ bị giải tỏa một phần căn nhà, là có căn cứ. Phần nhà còn lại, đã được ông T chuyển nhượng cho ông T2 và bà Q, theo Giấy bán phần nhà ngày 21/8/2003, với diện tích là 27,6m<sup>2</sup>. Tại Phiếu trao đổi thông tin số 2825 ngày 20/10/2011 của Văn phòng Đ (Bút lục 243) thể hiện, phần diện tích đất 27,6m<sup>2</sup> thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng của ông T, và ranh giải tỏa căn nhà số A theo bản vẽ do Công ty A Q1 lập ngày 19/4/2011 đúng với ranh giải tỏa của dự án. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: “Ông T cho rằng ... 27,6m<sup>2</sup> còn lại là phần đất do ông T tự lấn chiếm sử dụng nên đủ điều kiện được tái định cư do bị thu hồi toàn bộ nhà ở là không có cơ sở”, là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Xét ông T bị thu hồi một phần nhà và đất nên không đủ điều kiện tái định cư là đúng quy định tại Điều 27 Luật đất đai năm 1993 (sửa đổi, bổ sung năm 1998, năm 2001); Điều 12, Điều 30 Nghị định 22/1998/NĐ-CP, mục I điểm 2.3.1, 2.3.2, 2.3.3, 2.4 của Phương án số 8110/PA-ĐB ngày 27/11/2001 của Hội đồng đền bù thiệt hại giải phóng mặt bằng của dự án đầu tư xây dựng đường N - Rạch S được phê duyệt tại Quyết định số 8791/QĐ-UB ngày 24/12/2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố H; và Công văn số 1405/UB-ĐT ngày 28/4/2000 của Ủy ban nhân dân Thành phố H. Do đó công văn số 2013/UBND-QLDA của Ủy ban nhân dân Quận H ngày 26/9/2019 được ban hành, là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về việc hủy Công văn số 2013, là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện, được chấp nhận.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, được chấp nhận.

[5]. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6]. Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông Lê Đức T không được chấp nhận, nên ông T phải nộp án phí phúc thẩm, theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật tổ tụng hành chính; Điều 32, Điều 33, Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

*Tuyên xử:*

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Đức T.
2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 2097/2022/HC-ST ngày 07 – 12 - 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về “Khiếu kiện quyết định hành chính”, giữa người khởi kiện là ông Lê Đức T với người bị kiện là Ủy ban nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.
  - 2.1. Căn cứ Điều 27 Luật đất đai năm 1993 (sửa đổi, bổ sung năm 1998, năm 2001); Điều 12, Điều 30 Nghị định 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ về việc đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất sử dụng vào mục đích lợi ích công cộng.
  - 2.2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đức T về việc hủy Công văn số 2103/UBND-QLDA ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Quận H và buộc Ủy ban nhân dân Quận H xem xét, bố trí tái định cư cho ông T theo đúng quy định pháp luật đối với dự án đầu tư xây dựng đường N - Rạch S, Quận H như Biên bản hiệp thương ngày 14 tháng 5 năm 2002.
3. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.
4. Về án phí hành chính phúc thẩm: Buộc ông Lê Đức T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo

biên lai thu số 0003853 ngày 05/01/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (Ông Lê Đức T đã nộp đủ án phí phúc thẩm).

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Mười**

**Nguyễn Thị Cúc**

**Nguyễn Thị Thúy Hòa**